

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 54/2024/DSPT
Ngày: 16-5-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công và ông Lưu Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLPT-DS ngày 23-02-2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2024/QĐ-PT ngày 18-3-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐ-PT ngày 05-4-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐ-PT ngày 26-4-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông ; địa chỉ: 107A Nguyễn An N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ng Qu; địa chỉ: 60 Trần Khánh D, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Kim Ng; địa chỉ: 96 Nguyễn Thái H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Xuân H; địa chỉ: 96 Nguyễn Thái H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Bích V; địa chỉ: 106 Lê Thánh T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị Kim Ng: Bà Hứa Thị Trung Ngh, là Luật sư - Văn phòng luật sư Hứa Hoàng Gia, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 106 Lê Thánh T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Lương Ng Á trình bày: Ngày 05-02-2021, bà Hồ Thị Kim Ng vay ông Á số tiền 600.000.000 đồng để làm ăn, có viết giấy mượn tiền. Ngày 08-02-2021, bà Ng tiếp tục mượn ông Á số tiền 200.000.000 đồng và viết nội dung mượn tiền này vào cùng trong giấy mượn tiền ngày 05-02-2021 nêu trên, thời hạn vay 3 tháng. Ngoài ra, bà Ng 02 lần vay tiền của ông Á thông qua việc ông Á chuyển tiền vào tài khoản của bà Ng, lần 1 vào ngày 29-9-2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, lần 2 ngày 19-1-2023 vay số tiền 171.000.000 đồng; tổng cộng số tiền bà Ng của ông Á số tiền 1.071.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay tiền, bà Ng không thực hiện theo đúng cam kết, ông Á đã nhiều lần tìm bà Ng để đòi tiền nhưng bà Ng cố tình lẩn tránh không trả nợ. Ngày 15-6-2023, ông Á làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ng phải trả nợ số tiền gốc: 1.071.000.000 đồng. Ngày 27-7-2023, ông Á làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà Ng và chồng là ông Lê Xuân H phải trả cho ông Á số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 19-01-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả tương ứng với các khoản vay như sau:

-02 khoản vay theo giấy mượn tiền ngày 05-02-2021 là: 800.000.000 đồng, lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,66%/tháng là: 39.840.000 đồng; lãi quá hạn theo mức 150% trên lãi suất cho vay 1,66%/tháng là: 624.824.000 đồng.

-Khoản vay từ chuyển khoản vào ngày 29-9-2022 là: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,66%/tháng là: 550.000 đồng; lãi quá hạn theo mức lãi suất 150% trên lãi suất cho vay 1,66%/tháng là: 35.690.000 đồng.

-Khoản vay từ chuyển khoản vào ngày 19-01-2023 là: 171.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng là: 31.224.600 đồng.

Tổng số tiền lãi của 04 khoản vay trên tính đến ngày xét xử là: 732.128.600 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Ng đã trả cho ông Á theo mức lãi suất 5%/tháng và đã trả được tổng số tiền lãi là: 869.200.000 đồng. Bà Ng đã trả lãi suất vượt quá mức quy định là: 869.200.000 đồng - 732.128.600 đồng = 137.071.400 đồng. Số tiền trả lãi vượt quá mức quy định được trừ vào số tiền nợ gốc là: 1.071.000.000 đồng - 137.071.400 đồng = 933.928.600 đồng. Do đó, ông Á yêu cầu Tòa án buộc bà Ng cùng chồng là ông Lê Xuân H phải liên đới trả cho ông Á số tiền là: 933.928.600 đồng.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng trình bày: Ngày 05-02-2021, bà Ng có mượn của ông Lương Ng Á số tiền là: 800.000.000 đồng, đã đóng lãi hàng tháng đầy đủ với mức lãi suất 5%/tháng. Ngày 19-01-2023, bà Ng có mượn thêm của ông Á số tiền 271.000.000 đồng; tổng số tiền bà Ng mượn của ông Á là 1.071.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân H là Bà Trần Thị Bích V trình bày: Ngày 05-02-2021, bà Ng có vay của ông Á số tiền 800.000.000 đồng với mức lãi suất theo thỏa thuận 5%/tháng. Tính đến tháng 12-2022, tổng số tiền lãi bà Ng đã trả là 22 tháng x 5%/ tháng x 800.000.000

đồng = 880.000.000 đồng. Đến tháng 01-2023, do làm ăn thua lỗ, bà Ng không trả tiền lãi cho nguyên đơn kịp thời và đúng thời hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện và xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19-01-2023. Số tiền lãi bà Ng đã trả như trên là cao hơn mức lãi suất do pháp luật quy định nên được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi, số tiền lãi tháng tiếp theo được tính trên tiền gốc sau khi đã trừ đi số tiền lãi vượt mức, tương tự với các tháng tiếp theo, cụ thể: Tháng 3-2021, số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi vượt mức là: $800.000.000 \text{ đồng} - (40.000.000 \text{ đồng} - 13.333.333 \text{ đồng}) = 773.333.333 \text{ đồng}$; số tiền lãi phải đóng của tháng 4-2022 là $773.333.333 \text{ đồng} \times 20\%/12 = 12.888.889 \text{ đồng}$. Tháng 4-2021, số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi vượt mức là: $773.333.333 \text{ đồng} - (40.000.000 \text{ đồng} - 12.888.889 \text{ đồng}) = 746.222.222 \text{ đồng}$; số tiền lãi phải đóng của tháng 5-2022 là $746.222.222 \text{ đồng} \times 1,666\% = 12.437.037 \text{ đồng}$. Như vậy, tính tương ứng với các tháng tiếp theo cho đến tháng 12-2022 thì bà Ng còn nợ ông Á số tiền 98.299.328 đồng. Tại thông báo số 288/TB-TA về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thông báo ông Á yêu cầu bà Ng trả số tiền chậm trả tính từ ngày 19-01-2023 đến ngày khởi kiện là $1.071.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 1,66\% = 160.000.000 \text{ đồng}$, là không có căn cứ; tính đến ngày 19-01-2013, bà Ng còn nợ ông Á số tiền gốc của khoản vay gốc 800.000.000 đồng là: 98.299.328 đồng. Ngày 29-9-2022, bà Ng có vay của ông Á số tiền 100.000.000 đồng; ngày 19-01-2023, bà Ng có vay thêm của ông Á số tiền 171.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền bà Ng xác nhận còn nợ gốc của ông Á là: $271.000.000 \text{ đồng} + 98.299.328 \text{ đồng} = 369.299.328 \text{ đồng}$. Bà Ng chấp nhận tính lãi theo yêu cầu của ông Á, nhưng phải tính đúng với số tiền gốc bà Ng còn nợ, cụ thể: $369.299.328 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 1,66\% = 49.239.912 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền bà Ng công nhận: $369.299.328 \text{ đồng nợ gốc} + 49.239.912 \text{ đồng nợ lãi} = 418.539.240 \text{ đồng}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Xuân H trình bày tại phiên họp H giải ngày 20-9-2023: Ông H thống nhất với ý kiến của bà Ng, công nhận vợ chồng ông H có nợ ông Á tổng số tiền là: 418.539.240 đồng và đồng ý liên đới cùng với bà Ng trả nợ cho ông Á.

Ngày 18-12-2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có văn bản trình bày ý kiến bổ sung: Khoản vay 800.000.000 đồng mà nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi từ ngày 08-02-2021 là không chính xác. Nhưng do hai bên có gia hạn miệng thời hạn trả nợ gốc nên nguyên đơn mới để cho bị đơn tiếp tục vay và thu lãi tiếp đều đặn từ tháng 5-2021 đến tháng 12-2021 mà không có bất cứ ý kiến gì. Do đó, đến tháng 01-2023, bị đơn mới vi phạm thời hạn trả gốc và trả lãi. Trong đó, khoản 200.000.000 đồng không có thời hạn nên không có căn cứ xác định bị đơn vi phạm thời hạn trả gốc; khoản vay 100.000.000 đồng ngày 29-9-2022, lãi suất theo thỏa thuận 6%/tháng, vi phạm thời hạn trả lãi suất từ tháng 01-2023. Khoản vay 171.000.000 đồng ngày 19-01-2023 là không có thời hạn nên bị đơn không vi phạm thời hạn trả gốc; bị đơn vi phạm thời hạn trả lãi từ

ngày 19-01-2023. Do đó, bị đơn không chấp nhận phương pháp tính, thời điểm xác định vi phạm của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

-Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

-Áp dụng các Điều 278, 280, 282, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Ng Á.

Buộc bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân H phải trả cho nguyên đơn ông Lương Ng Á số tiền gốc: 933.928.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18-01-2024, bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, tính toán đúng quy định của pháp luật về số tiền nợ, vì thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 536.310.252 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự, người đại diện của đương sự vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim Ng trong hạn luật định; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của họ vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim Ng về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố P đối với số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 536.310.252 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Ông Lương Ng Á, bà Hồ Thị Kim Ng và ông Lê Xuân H đều thống nhất về số tiền gốc bà Ng đã vay của ông Á, cụ thể: Ngày 05-02-2021, bà Ng vay ông Á số tiền 600.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay là 03 tháng. Ngày 08-02-2021, bà Ng tiếp tục mượn ông Á số tiền 200.000.000 đồng và ghi nội dung mượn tiền vào giấy mượn tiền ngày 05-02-2021, không thể hiện thời hạn trả nợ. Ngoài ra, bà Ng 02 lần vay tiền của ông Á thông qua việc ông Á chuyển tiền vào tài khoản của bà Ng, lần 1 vào ngày 29-9-2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, lần 2 ngày 19-1-2023 vay số tiền 171.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và thời hạn cho vay. Tổng số tiền gốc bà Ng vay của ông Á là: 1.071.000.000 đồng được các bên thống nhất nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

2.2. Kháng cáo của bị đơn về yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi được giảm dần theo từng tháng đã trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất 02 khoản vay ngày 05-02-2021 và ngày 08-02-2021 được tính chung thời hạn vay từ ngày 08-02-2021 theo hướng có lợi cho bị đơn; nội dung vay số tiền 200.000.000 đồng được viết chung vào giấy vay số tiền 600.000.000 đồng nên được xác định thời hạn trả nợ là 3 tháng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận như trên là cao hơn mức lãi suất 20%/năm được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất là 20%/năm để tính lãi là đúng. Theo đó, khoản vay 800.000.000 đồng ngày 08-02-2021 thời hạn vay 3 tháng thì thời điểm tính lãi quá hạn là ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay là ngày 09-5-2021. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi quá hạn 31 tháng 11 ngày, mức lãi suất, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tổng cộng số tiền 664.664.000 đồng là đúng. Tương tự cách tính, xác định mức lãi, thời hạn trả lãi và số tiền phải trả đối với các khoản vay còn lại cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 732.128.600 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản nêu trên, bị đơn đã trả lãi suất cho nguyên đơn được số tiền là: 869.200.000 đồng, lãi suất vượt quá mức quy định là: 137.071.400 đồng. Số tiền lãi vượt quá này sẽ được trừ vào số tiền gốc tại thời điểm trả lãi là ngày xét xử sơ thẩm: 1.071.000.000 đồng – 137.071.400 đồng = 933.928.600 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên

buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 933.928.600 đồng là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm mà không buộc ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 148, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 278, 280, 282, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Ng Á.

Buộc bà Hồ Thị Kim Ng và ông Lê Xuân H phải liên đới trả cho ông Lương Ng Á số tiền là: 933.928.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị Kim Ng và ông Lê Xuân H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.017.858 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Ông Lương Ng Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Lương Ng Á số tiền là 22.065.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000443 ngày 15-6-2023 và số tiền 4.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0001153 ngày 01-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Hồ Thị Kim Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001264 ngày 26-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Bà Ng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thường